

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: 15/12/2023

(Đề kiểm tra có 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Tô kín vào ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với đáp án đúng.

Câu 1. Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. Phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng
- B. Làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất
- C. Phục vụ cho ngành luyện kim
- D. Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu

Câu 2. Dân tộc H'Mông phân bố tập trung nhiều nhất ở đâu?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- C. Trường Sơn - Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3. Cho bảng số liệu: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2000 – 2014

Năm	2000	2005	2010	2012	2014
Số dự án đăng ký (dự án)	391	970	1237	1287	1843
Tổng số vốn đăng ký (tỉ USD)	2,8	6,8	19,9	16,4	21,9
Vốn thực hiện (tỉ USD)	2,4	3,3	11,0	10,0	12,5

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây đúng về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Số dự án đăng ký tăng hơn 5 lần.
- B. Tổng số vốn đăng ký và vốn thực hiện tăng liên tục.
- C. Quy mô số vốn thực hiện có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- D. Tỷ lệ vốn thực hiện luôn đạt khoảng 90% so với vốn đăng ký.

Câu 4. Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

- A. điều hòa khí hậu, chắn gió bão.
- B. tạo sự đa dạng sinh học.
- C. điều hòa chế độ nước sông.
- D. cung cấp gỗ và lâm sản quý.

Câu 5. Việc phát triển kinh tế - xã hội, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cần kết hợp

- A. khai thác chế biến khoáng sản, phân bố lại dân cư.
- B. giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phân bố lại dân cư.
- C. nâng cao mặt bằng dân trí kết hợp trồng và bảo vệ rừng.
- D. khai thác thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Câu 6. Kinh doanh khách sạn thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A. Dịch vụ sản xuất.
- B. Dịch vụ công cộng.
- C. Dịch vụ tiêu dùng.
- D. Dịch vụ khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

- A. Dân cư và nguồn lao động.
- B. Tài nguyên khoáng sản
- C. Dân cư – xã hội.
- D. Kinh tế - xã hội.

Câu 8. Nhận định nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm?

- A. Vùng tập trung lớn về công nghiệp và thương mại, dịch vụ.
- B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư trong và ngoài nước.
- C. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh.

D. Vùng có nhiều tỉnh/ thành phố nhất cả nước.

Câu 9. Sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Hồng tăng chậm là do

A. sâu bệnh phá hoại.

B. năng suất giảm.

C. diện tích giảm.

D. dân số đông.

Câu 10. Bảng: Số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Số dân (nghìn người)	18 976,7	20 705,2
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	6 755,0	7 175,2
Bình quân lương thực (kg/người)	356,0	346,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2005 - 2014?

A. Sản lượng lương thực tăng 420,2 nghìn tấn.

B. Số dân tăng 1,09 lần.

C. Bình quân lương thực tăng 95 kg .

D. Sản lượng lương thực tăng 1,06 lần.

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên sông nào?

A. Sông Chảy.

B. Sông Lô.

C. Sông Hồng.

D. Sông Đà.

Câu 12. Phát biểu nào **không** phải là đặc điểm tự nhiên của Bắc Trung Bộ?

A. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

B. Đồng bằng rộng, bằng phẳng, đất đai màu mỡ.

C. Thiên tai thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống.

D. Từ Tây sang Đông các tỉnh trong vùng đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.

Câu 13. Nhận định nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

A. Mật độ dân số cao nhất.

B. Năng suất lúa cao nhất.

C. Đồng bằng lớn nhất.

D. Là một trung tâm kinh tế.

Câu 14. Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển dựa trên ưu thế về

A. chất lượng nguồn lao động cao.

B. công nghệ sản xuất hiện đại.

C. nguyên liệu tại chỗ dồi dào.

D. lao động dồi dào giá rẻ.

Câu 15. Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

A. trình độ thâm canh cao.

B. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

C. khí hậu ổn định.

D. đất đai màu mỡ.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

A. Nhiều thành phần dân tộc.

B. Cơ cấu dân số vàng.

C. Dân số đang tăng rất chậm.

D. Quy mô dân số lớn.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Dân cư thưa thớt nhất nước ta.

B. Là vùng có căn cứ địa cách mạng.

C. Người dân có kinh nghiệm thâm canh lúa nước.

D. Có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

Câu 18. Cho bảng số liệu: Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016

Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1 525,6	1 700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6
Giấy bìa (nghìn tấn)	1 536,8	1 349,4	1 495,6	1 614,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2016 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột. B. Đường. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 19. Ngành nào **không** phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Trồng cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.
B. Trồng cây công nghiệp lâu năm, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
C. Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.
D. Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện.

Câu 20. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành công nghiệp

- A. vật liệu xây dựng. B. sản xuất hàng tiêu dùng.
C. cơ khí hóa chất. D. công nghiệp điện tử.

Câu 21. Nước ta có nền công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng, chủ yếu nhờ

- A. nhu cầu thị trường ngày càng lớn. B. cơ sở hạ tầng đang được cải thiện.
C. lao động dồi dào có tay nghề cao. D. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Câu 22. Địa hình đặc trưng của tiểu vùng Đông Bắc là

- A. núi cao, địa hình hiểm trở. B. nhiều núi đâm ngang sát biển.
C. địa hình cao nguyên xếp tầng. D. núi trung bình và núi thấp.

Câu 23. Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. B. Có các dòng biển chạy ven bờ.
C. Nằm trên đường hàng hải quốc tế. D. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

Câu 24. Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA CẢ NƯỚC, TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 2013
(Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du miền núi Bắc Bộ
Trâu	2559,5	1470,7

Tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu của cả nước là:

- A. 12,9% B. 56,5% C. 57,4% D. 70,8%

Câu 25. Thế mạnh kinh tế lớn nhất của tiểu vùng Tây Bắc là

- A. phát triển thủy điện. B. trồng cây công nghiệp.
C. chăn nuôi gia súc. D. du lịch sinh thái.

Câu 26. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. Đền Hùng. B. Tam Đảo. C. Sa Pa. D. vịnh Hạ Long.

Câu 27. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.
B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

Câu 28. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. đất phù sa màu mỡ.
B. nguồn nước mặt phong phú.
C. có một mùa đông lạnh.
D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1điểm): Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc?

Câu 2 (2điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a. Kể tên các tỉnh/ thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
b. Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng.

----- HẾT -----

Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay không có chức năng thu, phát, lưu trữ dữ liệu

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ
Mã đề: 102

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: ĐỊA LÍ 9
Năm học 2023-2024

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: 15/12/2023

(Đề kiểm tra có 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Tô kín vào ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với đáp án đúng.

Câu 1. Kinh doanh khách sạn thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A. Dịch vụ sản xuất. B. Dịch vụ công cộng.
C. Dịch vụ tiêu dùng. D. Dịch vụ khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

Câu 2. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

- A. Dân cư và nguồn lao động. B. Tài nguyên khoáng sản
C. Dân cư – xã hội. D. Kinh tế - xã hội.

Câu 3. Nhận định nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm?

- A. Vùng tập trung lớn về công nghiệp và thương mại, dịch vụ.
B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư trong và ngoài nước.
C. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh.
D. Vùng có nhiều tỉnh/ thành phố nhất cả nước.

Câu 4. Sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Hồng tăng chậm là do

- A. sâu bệnh phá hoại. B. năng suất giảm.
C. diện tích giảm. D. dân số đông.

Câu 5. Bảng: Số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Số dân (nghìn người)	18 976,7	20 705,2
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	6 755,0	7 175,2
Bình quân lương thực (kg/người)	356,0	346,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Sản lượng lương thực tăng 420,2 nghìn tấn. B. Số dân tăng 1,09 lần.
C. Bình quân lương thực tăng 95 kg. D. Sản lượng lương thực tăng 1,06 lần.

Câu 6. Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. Phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng
B. Làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất
C. Phục vụ cho ngành luyện kim
D. Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu

Câu 7. Dân tộc H'Mông phân bố tập trung nhiều nhất ở đâu?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ. B. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
C. Trường Sơn - Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8. Cho bảng số liệu: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2000 – 2014

Năm	2000	2005	2010	2012	2014
Số dự án đăng ký (dự án)	391	970	1237	1287	1843
Tổng số vốn đăng ký (tỉ USD)	2,8	6,8	19,9	16,4	21,9

Vốn thực hiện (tỉ USD)	2,4	3,3	11,0	10,0	12,5
------------------------	-----	-----	------	------	------

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây đúng về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Số dự án đăng ký tăng hơn 5 lần.
- B. Tổng số vốn đăng ký và vốn thực hiện tăng liên tục.
- C. Quy mô số vốn thực hiện có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- D. Tỷ lệ vốn thực hiện luôn đạt khoảng 90% so với vốn đăng ký.

Câu 9. Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

- A. điều hòa khí hậu, chắn gió bão.
- B. tạo sự đa dạng sinh học.
- C. điều hòa chế độ nước sông.
- D. cung cấp gỗ và lâm sản quý.

Câu 10. Việc phát triển kinh tế - xã hội, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cần kết hợp

- A. khai thác chế biến khoáng sản, phân bố lại dân cư.
- B. giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phân bố lại dân cư.
- C. nâng cao mặt bằng dân trí kết hợp trồng và bảo vệ rừng.
- D. khai thác thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên sông nào?

- A. Sông Chảy.
- B. Sông Lô.
- C. Sông Hồng.
- D. Sông Đà.

Câu 12. Nhận định nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

- A. Mật độ dân số cao nhất.
- B. Năng suất lúa cao nhất.
- C. Đồng bằng lớn nhất.
- D. Là một trung tâm kinh tế.

Câu 13. Phát biểu nào **không** phải là đặc điểm tự nhiên của Bắc Trung Bộ?

- A. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
- B. Đồng bằng rộng, bằng bằng, đất đai màu mỡ.
- C. Thiên tai thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống.
- D. Từ Tây sang Đông các tỉnh trong vùng đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.

Câu 14. Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển dựa trên ưu thế về

- A. chất lượng nguồn lao động cao.
- B. công nghệ sản xuất hiện đại.
- C. nguyên liệu tại chỗ dồi dào.
- D. lao động dồi dào giá rẻ.

Câu 15. Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

- A. trình độ thâm canh cao.
- B. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- C. khí hậu ổn định.
- D. đất đai màu mỡ.

Câu 16. Cho bảng số liệu: Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016

Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1 525,6	1 700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6
Giấy bìa (nghìn tấn)	1 536,8	1 349,4	1 495,6	1 614,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2016 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Kết hợp.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Nhiều thành phần dân tộc.
- B. Cơ cấu dân số vàng.
- C. Dân số đang tăng rất chậm.
- D. Quy mô dân số lớn.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Dân cư thưa thớt nhất nước ta.

B. Là vùng có căn cứ địa cách mạng.

C. Người dân có kinh nghiệm thâm canh lúa nước .

D. Có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

Câu 19. Ngành nào **không** phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Trồng cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.

B. Trồng cây công nghiệp lâu năm, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

C. Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.

D. Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện.

Câu 20. Thế mạnh kinh tế lớn nhất của tiểu vùng Tây Bắc là

A. phát triển thủy điện.

B. trồng cây công nghiệp.

C. chăn nuôi gia súc.

D. du lịch sinh thái.

Câu 21. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

A. Đền Hùng.

B. Tam Đảo.

C. Sa Pa.

D. vịnh Hạ Long.

Câu 22. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.

C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.

D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

Câu 23. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

A. đất phù sa màu mỡ.

B. nguồn nước mặt phong phú.

C. có một mùa đông lạnh.

D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

Câu 24. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành công nghiệp

A. vật liệu xây dựng.

B. sản xuất hàng tiêu dùng.

C. cơ khí hóa chất.

D. công nghiệp điện tử.

Câu 25. Nước ta có nền công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng, chủ yếu nhờ

A. nhu cầu thị trường ngày càng lớn.

B. cơ sở hạ tầng đang được cải thiện.

C. lao động dồi dào có tay nghề cao.

D. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Câu 26. Địa hình đặc trưng của tiểu vùng Đông Bắc là

A. núi cao, địa hình hiểm trở.

B. nhiều núi đâm ngang sát biển.

C. địa hình cao nguyên xếp tầng.

D. núi trung bình và núi thấp.

Câu 27. Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió.

B. Có các dòng biển chạy ven bờ.

C. Nằm trên đường hàng hải quốc tế.

D. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

Câu 28. Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA CẢ NƯỚC, TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 2013

(Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du miền núi Bắc Bộ
Trâu	2559,5	1470,7

Tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu của cả nước là:

A. 12,9%

B. 56,5%

C. 57,4%

D. 70,8%

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1điểm): Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc?

Câu 2 (2điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

a. Kể tên các tỉnh/ thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

b. Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng.

----- HẾT -----

Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay không có chức năng thu, phát, lưu trữ dữ liệu

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ
Mã đề: 103

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: ĐỊA LÍ 9
Năm học 2023-2024

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: 15/12/2023

(Đề kiểm tra có 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Tô kín vào ô tròn trong phiếu trả lời trắc nghiệm tương ứng với đáp án đúng.

Câu 1. Cho bảng số liệu: Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2000 – 2014

Năm	2000	2005	2010	2012	2014
Số dự án đăng ký (dự án)	391	970	1237	1287	1843
Tổng số vốn đăng ký (tỉ USD)	2,8	6,8	19,9	16,4	21,9
Vốn thực hiện (tỉ USD)	2,4	3,3	11,0	10,0	12,5

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây đúng về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Số dự án đăng ký tăng hơn 5 lần.
- B. Tổng số vốn đăng ký và vốn thực hiện tăng liên tục.
- C. Quy mô số vốn thực hiện có xu hướng tăng nhưng không ổn định.
- D. Tỷ lệ vốn thực hiện luôn đạt khoảng 90% so với vốn đăng ký.

Câu 2. Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

- A. điều hòa khí hậu, chắn gió bão.
- B. tạo sự đa dạng sinh học.
- C. điều hòa chế độ nước sông.
- D. cung cấp gỗ và lâm sản quý.

Câu 3. Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. Phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng
- B. Làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất
- C. Phục vụ cho ngành luyện kim
- D. Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu

Câu 4. Dân tộc H'Mông phân bố tập trung nhiều nhất ở đâu?

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- C. Trường Sơn - Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5. Việc phát triển kinh tế - xã hội, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ cần kết hợp

- A. khai thác chế biến khoáng sản, phân bố lại dân cư.
- B. giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phân bố lại dân cư.
- C. nâng cao mặt bằng dân trí kết hợp trồng và bảo vệ rừng.
- D. khai thác thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Câu 6. Nhận định nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm?

- A. Vùng tập trung lớn về công nghiệp và thương mại, dịch vụ.
- B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư trong và ngoài nước.
- C. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh.
- D. Vùng có nhiều tỉnh/ thành phố nhất cả nước.

Câu 7. Sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Hồng tăng chậm là do

- A. sâu bệnh phá hoại.
- B. năng suất giảm.
- C. diện tích giảm.
- D. dân số đông.

Câu 8. Bảng: Số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng

năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Số dân (nghìn người)	18 976,7	20 705,2
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	6 755,0	7 175,2
Bình quân lương thực (kg/người)	356,0	346,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Sản lượng lương thực tăng 420,2 nghìn tấn. B. Số dân tăng 1,09 lần.
C. Bình quân lương thực tăng 95 kg . D. Sản lượng lương thực tăng 1,06 lần.

Câu 9. Kinh doanh khách sạn thuộc loại hình dịch vụ nào?

- A. Dịch vụ sản xuất. B. Dịch vụ công cộng.
C. Dịch vụ tiêu dùng. D. Dịch vụ khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

Câu 10. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

- A. Dân cư và nguồn lao động. B. Tài nguyên khoáng sản
C. Dân cư – xã hội. D. Kinh tế - xã hội.

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên sông nào?

- A. Sông Chảy. B. Sông Lô. C. Sông Hồng. D. Sông Đà.

Câu 12. Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

- A. trình độ thâm canh cao. B. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
C. khí hậu ổn định. D. đất đai màu mỡ.

Câu 13. Phát biểu nào **không** phải là đặc điểm tự nhiên của Bắc Trung Bộ?

- A. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.
B. Đồng bằng rộng, bằng bằng, đất đai màu mỡ.
C. Thiên tai thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống.
D. Từ Tây sang Đông các tỉnh trong vùng đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Nhiều thành phần dân tộc. B. Cơ cấu dân số vàng.
C. Dân số đang tăng rất chậm. D. Quy mô dân số lớn.

Câu 15. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Dân cư thưa thớt nhất nước ta. B. Là vùng có căn cứ địa cách mạng.
C. Người dân có kinh nghiệm thâm canh lúa nước . D. Có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

Câu 16. Nhận định nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

- A. Mật độ dân số cao nhất. B. Năng suất lúa cao nhất.
C. Đồng bằng lớn nhất. D. Là một trung tâm kinh tế.

Câu 17. Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển dựa trên ưu thế về

- A. chất lượng nguồn lao động cao. B. công nghệ sản xuất hiện đại.
C. nguyên liệu tại chỗ dồi dào. D. lao động dồi dào giá rẻ.

Câu 18. Cho bảng số liệu: Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016

Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1 525,6	1 700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6
Giấy bìa (nghìn tấn)	1 536,8	1 349,4	1 495,6	1 614,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2016 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Đường. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 19. Nước ta có nền công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng, chủ yếu nhờ

- A. nhu cầu thị trường ngày càng lớn. B. cơ sở hạ tầng đang được cải thiện.
C. lao động dồi dào có tay nghề cao. D. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Câu 20. Địa hình đặc trưng của tiểu vùng Đông Bắc là

- A. núi cao, địa hình hiểm trở. B. nhiều núi đâm ngang sát biển.
C. địa hình cao nguyên xếp tầng. D. núi trung bình và núi thấp.

Câu 21. Ngành nào **không** phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Trồng cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.
B. Trồng cây công nghiệp lâu năm, rau quả cận nhiệt và ôn đới.
C. Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.
D. Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện.

Câu 22. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành công nghiệp

- A. vật liệu xây dựng. B. sản xuất hàng tiêu dùng.
C. cơ khí hóa chất. D. công nghiệp điện tử.

Câu 23. Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. B. Có các dòng biển chạy ven bờ.
C. Nằm trên đường hàng hải quốc tế. D. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

Câu 24. Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA CẢ NƯỚC, TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 2013

(Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du miền núi Bắc Bộ
Trâu	2559,5	1470,7

Tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu của cả nước là:

- A. 12,9% B. 56,5% C. 57,4% D. 70,8%

Câu 25. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.
B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

Câu 26. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. đất phù sa màu mỡ. B. nguồn nước mặt phong phú.
C. có một mùa đông lạnh. D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

Câu 27. Thế mạnh kinh tế lớn nhất của tiểu vùng Tây Bắc là

- A. phát triển thủy điện. B. trồng cây công nghiệp.
C. chăn nuôi gia súc. D. du lịch sinh thái.

Câu 28. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. Đền Hùng. B. Tam Đảo. C. Sa Pa. D. vịnh Hạ Long.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1điểm): Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc?

Câu 2 (2điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a. Kể tên các tỉnh/ thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
b. Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng.

----- HẾT -----

- A. Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.**

B. Đồng bằng rộng, bằng bằng, đất đai màu mỡ.

C. Thiên tai thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống.

D. Từ Tây sang Đông các tỉnh trong vùng đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.

Câu 9. Nhận định nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm?

A. Vùng tập trung lớn về công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư trong và ngoài nước.

C. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh.

D. Vùng có nhiều tỉnh/ thành phố nhất cả nước.

Câu 10. Sản lượng lương thực ở Đồng bằng sông Hồng tăng chậm là do

A. sâu bệnh phá hoại.

B. năng suất giảm.

C. diện tích giảm.

D. dân số đông.

Câu 11. Nhận định nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng Sông Hồng?

A. Mật độ dân số cao nhất.

B. Năng suất lúa cao nhất.

C. Đồng bằng lớn nhất.

D. Là một trung tâm kinh tế.

Câu 12. Bảng: Số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Số dân (nghìn người)	18 976,7	20 705,2
Sản lượng lương thực (nghìn tấn)	6 755,0	7 175,2
Bình quân lương thực (kg/người)	356,0	346,5

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực của Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2005 - 2014?

A. Sản lượng lương thực tăng 420,2 nghìn tấn.

B. Số dân tăng 1,09 lần.

C. Bình quân lương thực tăng 95 kg .

D. Sản lượng lương thực tăng 1,06 lần.

Câu 13. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên sông nào?

A. Sông Chảy.

B. Sông Lô.

C. Sông Hồng.

D. Sông Đà.

Câu 14. Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển dựa trên ưu thế về

A. chất lượng nguồn lao động cao.

B. công nghệ sản xuất hiện đại.

C. nguyên liệu tại chỗ dồi dào.

D. lao động dồi dào giá rẻ.

Câu 15. Cho bảng số liệu: Một số sản phẩm công nghiệp của nước ta, giai đoạn 2010 – 2016

Năm	2010	2014	2015	2016
Vải (triệu m ²)	1 176,9	1 346,5	1 525,6	1 700,7
Giày, dép da (triệu đôi)	192,2	246,5	253,0	257,6
Giấy bìa (nghìn tấn)	1 536,8	1 349,4	1 495,6	1 614,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2016 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.

B. Đường.

C. Miền.

D. Kết hợp.

Câu 16. Ngành nào **không** phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Trồng cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.

B. Trồng cây công nghiệp lâu năm, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

C. Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.

D. Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện.

Câu 17. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành công nghiệp

A. vật liệu xây dựng.

B. sản xuất hàng tiêu dùng.

C. cơ khí hóa chất.

D. công nghiệp điện tử.

- Câu 18.** Nước ta có nền công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng, chủ yếu nhờ
- A. nhu cầu thị trường ngày càng lớn. B. cơ sở hạ tầng đang được cải thiện.
C. lao động dồi dào có tay nghề cao. D. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

- Câu 19.** Địa hình đặc trưng của tiểu vùng Đông Bắc là
- A. núi cao, địa hình hiểm trở. B. nhiều núi đâm ngang sát biển.
C. địa hình cao nguyên xếp tầng. D. núi trung bình và núi thấp.

- Câu 20.** Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển giao thông đường biển?
- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh rộng, kín gió. B. Có các dòng biển chạy ven bờ.
C. Nằm trên đường hàng hải quốc tế. D. Nhiều đảo, quần đảo ven bờ.

- Câu 21.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ LƯỢNG TRÂU CỦA CẢ NƯỚC, TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 2013

(Đơn vị: nghìn con)

	Cả nước	Trung du miền núi Bắc Bộ
Trâu	2559,5	1470,7

Tỉ trọng đàn trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu của cả nước là:

- A. 12,9% B. 56,5% C. 57,4% D. 70,8%

- Câu 22.** Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du miền núi Bắc Bộ là
- A. Đền Hùng. B. Tam Đảo. C. Sa Pa. D. vịnh Hạ Long.

- Câu 23.** Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.
B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

- Câu 24.** Thế mạnh kinh tế lớn nhất của tiểu vùng Tây Bắc là

- A. phát triển thủy điện. B. trồng cây công nghiệp.
C. chăn nuôi gia súc. D. du lịch sinh thái.

- Câu 25.** Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là

- A. đất phù sa màu mỡ. B. nguồn nước mặt phong phú.
C. có một mùa đông lạnh. D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

- Câu 26.** Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

- A. trình độ thâm canh cao. B. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
C. khí hậu ổn định. D. đất đai màu mỡ.

- Câu 27.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Nhiều thành phần dân tộc. B. Cơ cấu dân số vàng.
C. Dân số đang tăng rất chậm. D. Quy mô dân số lớn.

- Câu 28.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với dân cư - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Dân cư thưa thớt nhất nước ta. B. Là vùng có căn cứ địa cách mạng.
C. Người dân có kinh nghiệm thâm canh lúa nước. D. Có nhiều dân tộc ít người sinh sống.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1(1điểm): Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc?

Câu 2 (2điểm): Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

- a. Kể tên các tỉnh/ thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
b. Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng.

Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay không có chức năng thu, phát, lưu trữ dữ liệu

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN ĐỊA LÍ 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

I – TRẮC NGHIỆM (7 điểm): (Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

Câu / Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
101	D	A	C	C	D	C	B	D	C	C	D	B	C	D
Câu / Mã đề	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
101	A	C	C	B	A	B	D	D	B	C	A	D	D	C

Câu / Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
102	C	B	D	C	C	D	A	C	C	D	D	C	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
102	A	B	C	C	A	A	D	D	C	B	D	D	B	C

Câu / Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
103	C	C	D	A	D	D	C	C	C	B	D	A	B	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
103	C	C	D	B	D	D	A	B	B	C	D	C	A	D

Câu / Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
104	C	D	C	D	A	C	B	B	D	C	C	C	D	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
104	B	A	B	D	D	B	C	D	D	A	C	A	C	C

II – TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu hỏi	Đáp án	Điểm
Câu 1	Việc phát huy các thế mạnh của Trung du miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế lớn, ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc vì:	1
	- Ý nghĩa kinh tế lớn: Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng lớn, nhưng mới được khai thác một phần. Việc phát huy các thế mạnh của vùng sẽ góp phần nâng cao vị thế của vùng trong nền kinh tế cả nước và đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, tạo ra cơ cấu kinh tế của vùng ngày càng hoàn thiện hơn.	0,5
Câu 2	- Ý nghĩa chính trị, xã hội: Là nơi cư trú của hầu hết đồng bào dân tộc ít người nên phát huy thế mạnh kinh tế sẽ góp phần cải thiện đời sống người dân, củng cố an ninh quốc phòng của vùng.	0,5
	a. Tên các tỉnh/ thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	2
	Gồm 7 tỉnh/ thành phố: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.	0,5
Câu 2	b. Vai trò:	
	+ Tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	0,75
Câu 2	+ Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động của cả 2 vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi Bắc Bộ.	0,75

GV RA ĐỀ

Lê Thị Trang

TTCM

Nguyễn Thu Phương

**BGH DUYỆT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Song Đăng

